

Bản án số: 951/2026/HS-PT
Ngày 30-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm;

Ông Trương Văn Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 836/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo Tổng Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 390/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Tổng Xuân T**, sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: D khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tổng Xuân D, đã chết và bà Lê Thị M, đã chết; bị cáo có vợ tên Vũ Thị L, sinh năm 1979 và có 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 323/2016/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí vào ngày 31/7/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2026 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Hồng V - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Xuân T có thời gian làm việc tại bãi xe G, địa chỉ: Đường B, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh là bãi đỗ xe của Công ty TNHH T2, địa chỉ: Số D, đường số G, tổ F, khu phố E, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê An H làm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (chủ sở hữu Công ty là ông Vũ Trường H1, là em vợ của T). Quá trình làm việc, T biết được bãi xe không có bảo vệ trông coi, quản lý tài sản, do đó T nảy sinh ý định trộm cắp xe ô tô tại bãi đỗ xe để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Thực hiện ý định trên, khoảng 02 giờ 20 phút ngày 15/3/2026, T đi bộ từ nhà, địa chỉ: Số D, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh đến bãi xe Gò Chai. Khi đến bãi xe, T đi ven theo bờ rào bãi nhằm mục đích tránh camera ghi hình rồi lén lút đột nhập vào bên trong bãi xe. Tại đây, T mở cửa xe ô tô tải gắn cầu biễn số 57K-5125 leo lên cabin, do có cắm sẵn chìa khóa nên T khởi động nổ máy rồi điều khiển xe chạy ra khỏi bãi xe Gò C đi tìm nơi cất giấu. T điều khiển xe ô tô tải gắn cầu biễn số 57K-5125 đi hướng đường M - T đến bãi xe Phương N, địa chỉ: Số A, đường M - T, khu phố G, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Đức H2 gửi xe trên.

Khoảng 08 giờ ngày 15/3/2026, ông Vũ T1 H1 đến bãi xe thì không thấy xe ô tô tải gắn cầu biễn số 57K-5125 nên kiểm tra camera an ninh tại bãi xe, phát hiện có đối tượng (đội mũ lưỡi trai, bịt khẩu trang che mặt) lén lút đi vào bên trong bãi xe rồi chiếm đoạt điều khiển xe ô tô tải gắn cầu biễn số 57K-5125 đi nên ông H1 báo cho ông Lê An H biết. Nhận được tin báo của ông H1, ông H đến Công an phường B trình báo vụ việc.

Ngày 17/3/2026, T đi đến Công an phường B đầu thú về hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra thu giữ xe ô tô tải có gắn cầu, biễn số 57K-5125 theo chỉ dẫn của T.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe ô tô tải có gắn cầu, biễn số 57K-5125, số máy: W04DB-49043, số khung: FC114S-11379, nhãn hiệu: Hino, loại xe: gắn cầu.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 16/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận “01 (một) chiếc xe ô tô tải có gắn cầu, biễn số 57K-5125, số máy: W04DB-49043, số khung: FC114S-11379, nhãn hiệu: Hino, loại xe: gắn cầu, năm sản xuất: 2003, niên hạn sử dụng: 2028, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 15/3/2026 có trị giá là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 239/CT-VKS-KV16 ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Tổng Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Tổng Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025);

Xử phạt bị cáo Tổng Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2026.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: hành vi của bị cáo Tổng Xuân T thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền sử dụng cho bản thân mà bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm với trị giá tài sản chiếm đoạt là 46.000.000 đồng. Đồng thời, năm 2016, bị cáo từng bị xét xử về tội “Đánh bạc” nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo tuyên mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù là không nặng. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ để xem xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Xuân T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày bài bào chữa có nội dung:* Thông nhất tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; ngoài ra, bị cáo có cha là người có công với cách mạng, bị cáo mặc dù đã có nhân thân nhưng đã được xóa án tích; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đủ điều kiện được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do

đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt sang cải tạo không giam giữ cho bị cáo.

** Bị cáo không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 15/3/2026, tại bãi xe G, địa chỉ: đường B, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Tống Xuân T đã có hành vi lên lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe ô tô tải có gắn cầu, biển số 57K-5125, số máy: W04DB-49043, số khung: FC114S-11379, nhãn hiệu: Hino, loại xe: gắn cầu, trị giá 46.000.000 đồng của Công ty TNHH T2. Hành vi của bị cáo Tống Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Tống Xuân T về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn; bị cáo là người có nhân thân, đã từng bị xét xử về hành vi phạm tội khác nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện thành công dân tốt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới bổ sung cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng, đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt sang cải tạo không giam giữ cho bị cáo là chưa đủ căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tổng Xuân T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 390/2026/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Tổng Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2026.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo Tổng Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- TAND khu vực 16 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 16 - TP.HCM;
- Trại tạm giam Bồ Lá (Cơ sở 1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức